

BẢNG TỔNG HỢP TỔNG NỢ HỌC PHÍ
Tính đến học kỳ 2 năm học 2014-2015

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
1	Bùi Huy Cường	5043105007	720,000	Chính sách công	CSC4
2	Vũ Thái Dương	5043105008	3,200,000	Chính sách công	CSC4
3	Nguyễn Thu Hiền	5043105016	720,000	Chính sách công	CSC4
4	Đoàn Thị Lợi	5043105030	3,040,000	Chính sách công	CSC4
5	Hoàng Thành Nam	5043105035	2,240,000	Chính sách công	CSC4
6	Nguyễn Hoàng Vương Cẩm	5043101207	1,760,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
7	Đỗ Việt Hoàng	5043101215	320,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
8	Nguyễn Quang Huy	5043101218	480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
9	Phạm Thị Bảo Ngọc	5043101229	480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
10	Cao Văn Phúc	5043101235	3,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
11	Bùi Thùy Trang	5043101249	720,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
12	Nguyễn Thu Trang	5043101248	480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
13	Phạm Thanh Tùng	5043101247	3,073,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4A
14	Nguyễn Tuấn Anh	5043101256	720,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
15	Phan Tiến Đạt	5043101259	720,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
16	Trần Thị Ngân Hà	5043101263	1,440,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
17	Lương Thị Hoài	5043101265	1,440,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
18	Đinh Xuân Nam	5043101279	480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
19	Nguyễn Thị Phương	5043101286	720,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
20	Nguyễn Minh Quang	5043101289	480,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
21	Nguyễn Thị Thu Trà	5043101299	1,200,000	Kế hoạch phát triển	KHPT4B
22	Hoàng Thị Ngọc Anh	5043106008	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
23	Lê Lan Anh	5043106011	480,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
24	Lê Thị Lan Anh	5043106009	480,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
25	Nguyễn Ngọc Tuấn Anh	5043106007	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
26	Lê Huy Bách	5043106012	2,720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
27	Võ Thị Thùy Dương	5043106016	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
28	Nguyễn Quang Đại	5043106013	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
29	Nguyễn Quang Hà	5043106019	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
30	Nguyễn Thị Thu Hà	5043106020	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
31	Vũ Thị Huế	5043106027	1,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
32	Đào Mạnh Hùng	5043106025	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
33	Dương Thị Huyền	5043106030	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
34	Long Thu Huyền	5043106031	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
35	Trần Thị Thùy Linh	5043106039	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
36	Nguyễn Thị Ngân	5043106041	3,920,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
37	Vũ Tuấn Phát	5043106049	2,720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
38	Nguyễn Vũ Phúc	5043106050	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
39	Bùi Văn Quang	5043106051	1,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
40	Phùng Vũ Anh Thư	5043106137	480,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4A
41	Nguyễn Việt Anh	5043106069	5,120,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
42	Nguyễn Việt Anh	5043106071	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
43	Vũ Thị Kim Anh	5043106073	480,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
44	Trần Đoàn Linh Chi	5043106079	480,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
45	Nguyễn Thị Thu Hà	5043106085	3,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
46	Mai Thúy Hằng	5043106088	3,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
47	Phạm Thị Mai Hương	5043106093	2,240,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
48	Trần Thị Ngọc Lan	5043106098	1,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
49	Dương Thị Lệ	5043106099	3,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
50	Hà Hồng Nhật	5043106105	3,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
51	Phạm Thị Thi Phong	5043106109	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
52	Bạch Phương Thảo	5043106120	1,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
53	Đặng Thu Thảo	5043106116	720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
54	Nguyễn Thị Thảo	5043106122	2,720,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
55	Nguyễn Thị Giao Thủy	5043106127	-1,600,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
56	Dương Ngọc Thúy	5043106123	3,200,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
57	Phan Thị Cẩm Vân	5043106133	5,920,000	Kinh tế đối ngoại	KTDN4B
58	Lê Thị Việt Anh	5043101147	1,200,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
59	Phan Quỳnh Châu	5043101103	480,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
60	Nguyễn Tùng Dương	5043101108	1,200,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
61	Nguyễn Văn Khoa	5043101116	720,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
62	Trịnh Ngọc Lê	5043101118	720,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
63	Phạm Thị Mai	5043101125	2,160,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
64	Nguyễn Thị Hồng Nhung	5043101128	720,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
65	Trần Hồng Quân	5043101149	3,360,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
66	Phạm Vũ Ngọc Thảo	5043101133	2,080,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
67	Lê Thu Trang	5043101139	720,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
68	Trần Hữu Tú	5043101138	480,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
69	Lê Anh Tuấn	5043101143	720,000	Quy hoạch phát triển	QHPT4
70	Trương Thanh Bình	5043401004	480,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
71	Phùng Văn Định	5043401005	2,720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
72	Nguyễn Thị Hoan	5043401018	2,720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
73	Nguyễn Thị Thu Hương	5043401012	480,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
74	Nguyễn Nhật Minh	5043401054	1,200,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
75	Phạm Hồng Ngọc	5043401027	1,200,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
76	Tạ Ngọc Phúc	5043401030	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
77	Vũ Thị Phương	5043401031	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
78	Nguyễn Thị Như Quỳnh	5043401035	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
79	Trần Minh Tâm	5043401037	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
80	Hoa Ngọc Thành	5043401056	3,440,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
81	Nguyễn Bích Thảo	5043401039	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
82	Nguyễn Đạt Thông	5043401040	720,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
83	Nguyễn Thu Trang	5043401047	1,200,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
84	Ngô Quang Trung	5043401048	480,000	Quản trị doanh nghiệp	QTDN4
85	Phạm Ngọc Anh	5043402006	1,200,000	Tài chính công	TCC4A
86	Thân Hà Cẩm Anh	5043402004	1,200,000	Tài chính công	TCC4A
87	Từ Duy Anh	5043402005	720,000	Tài chính công	TCC4A
88	Hoàng Quốc Bảo	5043402007	1,440,000	Tài chính công	TCC4A
89	Thái Duy Đạt	5043402002	1,440,000	Tài chính công	TCC4A

STT	Họ tên	Mã SV	Số tiền cần thu	Ngành	Lớp
90	Hoàng Minh Đức	5043402003	1,440,000	Tài chính công	TCC4A
91	Trần Lộc Hải	5043402017	1,440,000	Tài chính công	TCC4A
92	Phạm Việt Hùng	5043402021	720,000	Tài chính công	TCC4A
93	Dương Thị Thu Hương	5043402022	480,000	Tài chính công	TCC4A
94	Lê Hoàng Linh	5043402110	720,000	Tài chính công	TCC4A
95	Vũ Khánh Linh	5043402024	480,000	Tài chính công	TCC4A
96	Trần Thị Ngọc Ly	5043402027	3,200,000	Tài chính công	TCC4A
97	Hà Mạnh Quý	5043402037	1,440,000	Tài chính công	TCC4A
98	Vũ Đình Quỳnh	5043402039	720,000	Tài chính công	TCC4A
99	Nguyễn Ngọc Hà Thu	5043402042	3,040,000	Tài chính công	TCC4A
100	Thái Thị Huyền Trang	5043402045	720,000	Tài chính công	TCC4A
101	Trần Thu Trang	5043402044	1,200,000	Tài chính công	TCC4A
102	Trương Thị Trang	5043402047	720,000	Tài chính công	TCC4A
103	Nguyễn Xuân Tuấn	5043402048	1,920,000	Tài chính công	TCC4A
104	Tào Anh Tùng	5043402050	1,440,000	Tài chính công	TCC4A
105	Nguyễn Mạnh Dương	5043402055	720,000	Tài chính công	TCC4B
106	Phạm Đức Giang	5043402107	720,000	Tài chính công	TCC4B
107	Đỗ Trung Hiếu	5043402062	720,000	Tài chính công	TCC4B
108	Nguyễn Thị Mai Hồng	5043402067	720,000	Tài chính công	TCC4B
109	Tạ Ngọc Hưng	5043402064	720,000	Tài chính công	TCC4B
110	Đậu Anh Thế	5043402097	720,000	Tài chính công	TCC4B
111	Trần Nguyễn Anh Tuấn	5043402102	720,000	Tài chính công	TCC4B
Tổng cộng tất cả:			144,996,000		

Người lập biểu

Nguyễn Thị Mai